

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **410/2026/DS-PT**
Ngày: 18/8/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Ông Đoàn Văn Thâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 377/2026/TLPT-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2026, về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 91/2026/DS-ST ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2026/QĐPT-DS ngày 20 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1982. Vắng mặt.

CCCD: 089082010390. Nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Quách Thanh P, sinh năm 1977 (theo Giấy ủy quyền ngày 12/02/2026). Có mặt.

CCCD 089077003816.

Địa chỉ: Số D N, ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Linh G, sinh năm 1997. Vắng mặt.

CCCD 089097010969.

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Vắng mặt.

CCCD 089073005245.

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Phan Văn K - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn ông Phan Văn K và người Đại diện theo ủy quyền trình bày: Do có mối quan hệ bà con với nhau nên vào ngày 13/6/2025, ông K có cho ông G vay số tiền 570.000.000đ, mục đích để ông G đáo hạn ngân hàng (Ngân hàng N Chi nhánh C1), khi vay ông G có làm biên nhận, ký và ghi rõ họ tên. Mặc dù trong biên nhận không ghi rõ mức lãi suất và thời hạn vay nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay trong vòng 01 tháng ông G sẽ trả vốn và lãi.

Khi đến hạn 01 tháng không thấy ông G trả vốn và lãi, ông K liên hệ thì ông G cho biết do ông bị nợ xấu không vay tiền lại được nên chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông sang tên qua cho cha ruột ông là ông Nguyễn Văn T để vay tiền trả lại cho ông K. Sau khi biết được sự việc ông K điện thoại gặp ông T để hỏi cho rõ thì ông T thừa nhận ông G đang sang tên đất qua cho ông T, ông T cam kết khi nào ông T được đứng tên quyền sử dụng đất sẽ vay ngân hàng trả lại số tiền 570.000.000đ cho ông K. Vì chỗ bà con thân thuộc nên ông K tin tưởng và chờ ông T vay ngân hàng để trả tiền cho ông K. Tuy nhiên sau khi ông T được đứng tên quyền sử dụng đất thì không thực hiện việc trả số tiền trên cho ông K. Ông K đến gặp ông G và ông T để đòi lại tiền thì họ có thái độ thách thức ông K đi thưa.

Nay yêu cầu buộc ông Nguyễn Linh G và ông Nguyễn Văn T chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền vốn vay 570.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/6/2025 cho đến khi xét xử, tạm tính số tiền lãi đến thời điểm khởi kiện là 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ông K đồng ý trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng mà bị đơn đã trả.

- Theo bị đơn ông Nguyễn Linh G trình bày: Ông thừa nhận có vay như ông K trình bày. Ông có trả lãi 01 lần 3.000.000đ và 01 lần là 2.000.000đ. Từ đó đến nay ông không trả vốn và lãi. Số tiền 570.000.000 đồng ông đã đưa cho ông K 150.000.000 đồng, nhưng không có làm giấy tờ biên nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông đồng ý trả cho ông K số tiền vốn là 570.000.000 đồng, xin trả dần mỗi mùa lúa 20.000.000 đồng. Lãi suất khi vay là 1.000 đồng/01 triệu đồng/tháng.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông K là em vợ bà con của ông. Còn ông G là con ruột của ông. Đây là nợ của ông G, ông không có vay của ông K.

Tại “*Văn bản trình bày về nguồn gốc, nội dung trong file ghi âm*” ông Phan Văn K cung cấp có nội dung ông T thừa nhận có nói với ông K như sau “*Đã tôi nói với ông tôi đã hứa tiền của ông nếu mà tôi vay tiền trả nợ người ta có dư tôi trả cho ông, còn không dư với điều kiện là tôi hứa đưa miếng đất của thằng Mười Hai cho ông mượn, ví dụ như ấy đâu đang hoang thì vậy đi, ông an tâm đi*”. Nhưng sau đó ông G nợ của người tên S 310.000.000 đồng. Quá trình thi hành án đất do ông G đứng tên bị kê biên để trả nợ cho ông S. Lúc này ông mới vay tiền bên ngoài để trả thay cho ông G nhằm giữ lại đất của ông G. Sau khi ông trả nợ cho ông G xong thì ông G chuyển nhượng đất lại cho ông đứng tên. Sau khi ông đứng tên giấy đỏ thì ông đã thế chấp cho Ngân hàng vay tiền trả lại chủ nợ mà ông đã vay 310.000.000 đồng. Diện tích đất ông G chuyển cho ông khoảng 4.300m².

Thời điểm ông hứa với ông K là trước khi ông biết G nợ ông S. Nay ông K yêu cầu ông và G cùng trả nợ thì ông đồng ý nhưng ông xin trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng, bắt đầu trả từ vụ H – Thu năm 2026 đến khi hết nợ. Ông xin trả vốn, không trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2026 ông T trình bày: Ông không có vay hoặc mượn nợ bất kỳ khoản tiền nào từ ông K. Ông không liên quan đến bất kỳ khoản vay hoặc mượn bất kỳ khoản tiền giữa ông K và ông G. Do đó ông yêu cầu Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K. Do ông bận đi làm, nên xin vắng mặt tại tòa án.

*** *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2026/DS-ST, ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - An Giang đã xét xử, quyết định:***

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn K.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Linh G trả cho nguyên đơn ông Phan Văn K số tiền nợ gốc 570.000.000đ và lãi 101.920.000đ. Tổng cộng là 671.920.000đ (*sáu trăm bảy mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới cùng G trả nợ cho ông K.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 01/6/2026 ông Phan Văn K kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông T cùng liên đới với ông G trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Phía nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Trong thời gian ông G nợ tiền ông K thì ông G tặng cho toàn bộ đất của ông G cho ông T (ông T là cha của ông G) là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông T cũng có hứa

là sẽ cùng với ông G trả nợ nhưng sau đó lại thay đổi lời hứa là không đúng. Vì vậy, yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông G trả nợ cho ông K.

- Bị đơn và người liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án và đề nghị hướng giải quyết: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2026/DS-ST, ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - An Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án như sau:* Giữa ông Phan Văn K với ông Nguyễn Linh G có giao dịch vay tiền, ông G có làm biên nhận ngày 13/6/2025 (BL 12), với số tiền vay là 570.000.000đ, trong biên nhận không có thỏa thuận về lãi suất. Sau đó, ông G không trả được vốn gốc nhưng đã trả được số tiền lãi là 5.000.000đ. Do ông K cho rằng ông T có hứa cùng với ông G trả nợ, nên yêu cầu ông T liên đới với ông G trả nợ; Còn ông G thì cho rằng số tiền này là do ông G tự vay không có liên quan ông T, đồng thời ông T thay đổi ý kiến không chấp nhận nghĩa vụ liên đới với ông G về việc trả nợ.

[3] *Xét kháng cáo của ông Phan Văn K, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy như sau:* Bản án sơ thẩm buộc ông G trả cho ông K số tiền vay gốc là 570.000.000đ và tiền lãi là 101.920.000đ. Các bên đồng ý và không có kháng cáo về số tiền nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Đối với kháng cáo về việc yêu cầu ông T liên đới với ông G trả số tiền nợ nêu trên, HĐXX phúc thẩm nhận thấy như sau: quan hệ vay tài sản phát sinh giữa ông G và ông K. Ông T chỉ hứa bằng lời nói nhưng sau đó ông T thay đổi lời hứa không đồng ý cùng với ông G trả nợ cho ông K, không ký tên trong giấy vay tiền, không có văn bản bảo lãnh. Vì vậy, không đủ căn cứ xác định đã phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh hoặc nghĩa vụ liên đới của ông T đối với khoản nợ của ông G nên không có cơ sở buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới theo quy

định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc ông G thanh toán nợ cho ông K mà không buộc ông T liên đới trả nợ là có căn cứ.

Đối với việc ông G tặng cho quyền sử dụng đất của ông G cho ông T, nếu nguyên đơn cho rằng ông G trốn tránh nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền khởi kiện về hợp đồng tặng cho để được xem xét giải quyết theo quy định.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc: Không chấp nhận kháng cáo của ông K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2026/DS-ST, ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - An Giang.

[5] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Giữ nguyên như bản án sơ thẩm tuyên.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Số tiền là 300.000đ. Buộc ông Phan Văn K phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0002597, ngày 15/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh A (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều: 117, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2026/DS-ST ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - An Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Linh G trả cho nguyên đơn ông Phan Văn K số tiền nợ gốc 570.000.000đ và lãi 101.920.000đ. Tổng cộng là 671.920.000đ (*sáu trăm bảy mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Linh G trả nợ.

3. *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Nguyễn Linh G phải chịu án phí với số tiền là 30.877.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Phan Văn K tạm ứng án phí với số tiền là 14.200.000 đồng, theo biên lai thu số 303440 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Phan Văn K phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0002597, ngày 15/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh A (đã thực hiện xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 12 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân